TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **241**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Dương Thị Lụa
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Huỳnh Việt Bắc
Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thùy L, sinh năm 1982. Căn cước công dân số: 096182005335, cấp ngày 13/5/2023 (xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1984. Căn cước số: 096084002615 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau.
Sau ngày 1/7/2026: Ấp H, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thùy L trình bày:

Vào năm 2004 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau nhưng vợ chồng bà không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con nhưng trong thời gian chung sống xảy ra nhiều bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm tin tưởng và tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà và ông L1 đã ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng L2, sinh năm 2007, hiện 02 người con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà Phạm Thùy L trình bày. Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống do đó bà Phạm Thùy L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn

với bà Phạm Thùy L.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Trọng N, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng L2, sinh năm 2007, hiện 02 người con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phạm Thùy L, ông Nguyễn Văn L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy L và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa bà L và ông L1 là không hợp pháp.

Bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1 do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Ông L1 cũng đồng ý ly hôn với bà L. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 đã đến mức trầm trọng đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Tuy nhiên bà L và ông L1 không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do bà L và ông L1 không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định Toà án không công nhận bà L và ông L1 là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Phạm Thùy L và ông Nguyễn Văn L1 xác định có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng L2, sinh năm 2007 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thùy L và ông Nguyễn Văn L1 xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thùy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thùy L và ông Nguyễn Văn L1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007861 ngày 15/6/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa